

Bản án số: 584/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-5-2025.

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Long Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Ngọc
- Ông Nguyễn Văn Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Quyết Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cử Chi – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 269/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 281/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị Thúy N**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Số F, Đường C, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông **Lê Minh A**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số F, Đường C, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 24/12/2024, bản tự khai và biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, nguyên đơn bà **Ngô Thị Thúy N** trình bày: Bà và ông **Lê Minh A** tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 52/2011, quyền số 01/2011 cấp ngày 05/4/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại số F, Đường C, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng

từ năm 2015 đến nay thì vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do ông A thường xuyên đánh bạc, gây nợ nần. Bà nhận thấy mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân giữa bà và ông A nảy sinh ngày càng gay gắt, không còn tôn trọng ý kiến của nhau, đời sống hôn nhân của bà và ông A không thể chia sẻ, quan tâm lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế bà làm đơn xin ly hôn yêu cầu Toà án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Minh A.

Về nuôi con chung: Nguyên đơn xác định có 02 con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 07/3/2012 và Lê Gia H1, sinh ngày 06/12/2021, hiện đang sống chung với bà nên bà yêu cầu được quyền trực tiếp 02 nuôi con, không yêu cầu ông A cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung: Nguyên đơn xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có.

Tại bản tự khai ngày 23/01/2025, bị đơn ông Lê Minh A trình bày: Ông không muốn ly hôn với nguyên đơn bà Ngô Thị Thúy N vì còn thương vợ con và nghĩ về tương lai của các con. Mong muốn có một gia đình êm ấm để kiếm tiền lo cho gia đình và các con.

Về con chung: Bị đơn xác định có 02 con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 07/3/2012 và Lê Gia H1, sinh ngày 06/12/2021.

Về tài sản chung: Bị đơn xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bị đơn xác định không có.

Bị đơn ông Lê Minh A đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải mà vẫn vắng mặt không rõ lý do; nguyên đơn bà Ngô Thị Thúy N đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Do vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện, ông A vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 52/2011, quyền số 01/2011, ngày 05/4/2011 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Lê Minh A và bà Ngô Thị Thúy N có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông A là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Bà N yêu cầu ly hôn ông A với lý do sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống chung với nhau tại địa chỉ số F đường số C, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng từ năm 2015 đến nay, vợ chồng bà đã phát sinh mâu thuẫn do ông A thường xuyên đánh bạc, gây ra nợ nần. Bà đã khuyên nhủ rất nhiều lần

nhưng ông A không thay đổi, một mình bà phải nuôi 02 (hai) con chung và ba mẹ chồng. Có những thời điểm ông A còn đánh bà trước mặt hai con làm ảnh hưởng đến tâm lý của các con. Bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, không thể cứu vãn, bà đã không còn khả năng chịu đựng, bất đồng quan điểm, không thể chia sẻ, quan tâm lẫn nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương xác định ông Lê Minh A trước đây có chung sống với bà Ngô Thị Thúy N, tuy nhiên khoảng một năm nay vợ chồng ông A và bà N có bất đồng quan điểm dẫn đến xảy ra mâu thuẫn và hiện tại bà Ngô Thị Thúy N không còn ở địa phương.

Quá trình giải quyết vụ án, ông A có bản tự khai trình bày nguyện vọng không muốn ly hôn vì còn thương vợ và các con. Tuy nhiên, ông A không tham gia các phiên hòa giải tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi và tại phiên tòa hôm nay ông A vắng mặt không rõ lý do. Điều đó chứng tỏ ông A không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà N.

Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa bà N và ông A không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; điều kiện sống mỗi người mỗi nơi không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình; khả năng đoàn tụ không có nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Thúy N về việc ly hôn ông Lê Minh A theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về quan hệ con chung: Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Lê Gia H (sinh ngày 07/3/2012) và Lê Gia H1 (sinh ngày 06/12/2021), tự nguyện không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung.

Nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, con chung Lê Gia H đã có bản tự khai, trình bày nguyện vọng được ở với bà N khi bà N và ông A ly hôn. Ông A không tham gia hòa giải tại Tòa án và không tham gia phiên tòa mặc dù ông A vẫn đang sinh sống tại địa phương nơi cư trú. Điều đó cho thấy ông A không có thiện chí hàn gắn quan hệ con chung.

Xét thấy, việc giao các con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử,

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Căn cứ đơn xin ly hôn nộp ngày 24/12/2024, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là Tranh chấp Ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn có nơi cư trú tại ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[1.2]. Về việc vắng mặt của bị đơn tại phiên toà: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Thúy N và ông Lê Minh A tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 52/2011, quyển số 01/2011 ngày 05/4/2011, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo đơn xin ly hôn, nguyên đơn cho rằng trong quá trình sống chung cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông A thường xuyên đánh bạc, gây nợ nần rất nhiều lần dẫn đến hay cãi vã, không thể tiếp tục sống chung được nữa. Mặc dù bà đã cố gắng hòa giải nhưng không thành. Tòa án nhận thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, thể hiện bị đơn không mong muốn đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng.

Mặt khác, tại Công văn số 310/UBND ngày 28/02/2025 về việc trả lời cung cấp thông tin theo Công văn số 239/TAHCC ngày 18/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi về việc xác minh mâu thuẫn gia đình, kết quả xác minh thể hiện ông Lê Minh A và bà Ngô Thị Thúy N trước đây có chung sống với nhau tại địa chỉ số F, Đường C, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên khoảng một năm nay vợ chồng ông A và bà N có bất đồng quan điểm dẫn đến xảy ra mâu thuẫn và hiện tại bà Ngô Thị Thúy N không còn ở địa phương.

Do vậy, Tòa án không có cơ sở để hòa giải đoàn tụ theo quy định. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Ngô Thị Thúy N và ông Lê Minh A là có xảy ra, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không có khả năng đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu về việc ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở.

[2.2]. Về nuôi con chung: Căn cứ lời trình bày của bà Ngô Thị Thúy N; bản tự khai ngày 23/01/2025 của bị đơn ông Lê Minh A và căn cứ vào tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện, có đủ cơ sở xác định bà Ngô Thị Thúy N và ông Lê Minh A có 02 con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 07/3/2012 và Lê Gia H1, sinh

ngày 06/12/2021. Tại đơn xin ly hôn và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cả 02 trẻ là Lê Gia H và Lê Gia H1. Hội đồng xét xử xét thấy hai trẻ đang sống chung với bà N và có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con chung mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy để ổn định tâm sinh lý cho trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy tiếp tục giao 02 trẻ G và Gia H1 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung, tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, bà N không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3]. Về chia tài sản chung, nguyên đơn xác định không yêu cầu Toà án giải quyết và về nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nếu có tranh chấp về nuôi con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3]. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật phí, lệ phí tòa án số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 buộc nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định là phù hợp.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh như trên là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Ngô Thị Thúy N.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Ngô Thị Thúy N và ông Lê Minh A.

(Quan hệ vợ chồng giữa bà Ngô Thị Thúy N và ông Lê Minh A được xác lập theo giấy chứng nhận kết hôn số 52/2011, quyển số 01/2011 cấp ngày 05/04/2011 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

2. Về nuôi con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 07/3/2012 và Lê Gia H1, sinh ngày 06/12/2021 cho bà Ngô Thị Thúy N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không xét.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng buộc bà Ngô Thị Thúy N phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0063431 ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; bà N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn không có mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- UBND xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Long Sơn